**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN: TIẾNG VIỆT; LỚP 4**

**CHỦ ĐIỂM: MẢNH GHÉP YÊU THƯƠNG**

**Bài 3: Quả ngọt cuối mùa (Tiết 1-4)**

**Đọc: Quả ngọt cuối mùa (Tiết 1)**

Thời gian thực hiện: .............................

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em khi nhận được sự quan tâm, chăm sóc của người thân; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa, trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: Bà chăm chút, giữ gìn chùm cam để dành tặng cho con cháu và tình cảm yêu thương của cháu đối với bà. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Ca ngợi tình cảm thương yêu, giàu đức hi sinh của bà với con cháu và lòng biết ơn sâu nặng của con cháu đối với bà.

**- GD quyền con người :** **Quyền được chăm sóc yêu thương để phát triển lành mạnh về mặt thể chất, trí tuệ, đạo đức để trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Bổn phận của trẻ em với gia đình**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* GV: SHS, VBT, SGV. Tranh ảnh về cảnh nhà ở nông thôn

Bảng phụ ghi khổ thơ cuối

* HS: SHS.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.** | |
| - GV yêu cầu HS:  - GV cho HS xem tranh.  - GV giới thiệu bài mới “Quả ngọt cuối mùa” | - CN: HS suy nghĩ, cảm xúc của em khi nhận được sự quan tâm, chăm sóc của người thân  - N2: Thảo luận nhóm đôi chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình.  - Chia sẻ: HS chia sẻ trước lớp.  - CN: HS xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh – đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.  - Lớp lắng nghe, ghi bài. |
| **2. Hoạt động Khám phá và luyện tập***.* | |
| **2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc thành tiếng**  - GV đọc mẫu: giọng trong sáng, tha thiết; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ việc làm, nỗi mong nhớ và tình thương của bà  - GV yêu cầu HS chia đoạn.  - GV nhận xét chung.  - GV mời LPHT điều khiển hoạt động đọc nối tiếp.  - GV nhận xét học sinh đọc.  - GV yêu cầu một số HS đọc lại các từ mà các nhóm vừa nêu.  - GV rút ra một số từ khó đọc: trẩy, rét, nom Đoài, chuyên, toả,...  Phân tích từ khó.  - GV mời LPHT tiếp tục hoạt động.  - GV nhận xét chung HS đọc.  - GV giải nghĩa từ : trẩy (hái), nom Đoài, ngắm Đông (nhìn phía tây, nhìn phía đông).  - GV nhận xét chung HS đọc.  - GV hướng dẫn luyện đọc câu dài:  + GV đọc mẫu.  + GV yêu cầu HS nêu cách ngắt nghỉ.  + GV nhận xét, kết luận.  - GV cho HS đọc trong nhóm 4.  - GV gọi HS trong nhóm nhận xét các bạn đọc.  - GV mời 1 HS đọc toàn bài.  **2.2. Hoạt động 2: Luyện đọc hiểu**  - GV cho HS đọc thầm đoạn 1 sau đó TLCH1  - GV nhận xét.  - GV rút ý đoạn 1.  - GV nhận xét.  - Gv cho HS đọc thầm đoạn 2 và thảo luận câu 2,3.  - GV nhận xét chung.  - GV rút ý đoạn 2.  - GV nhận xét chung.  - GV cho HS đọc thầm đoạn 3, TLCH 4  - GV rút ý đoạn 3.  - GV nhận xét chung.  **-** GV yêu cầu HS tìm hiểu nội dung bài  - GV chốt nội dung bài học.  - Gv hướng dẫn HS rút ra phần ý nghĩa  **2.3. Hoạt động 3 : Luyện đọc lại và học thuộc lòng.**  - GV treo đoạn 3 và đọc mẫu.  - GV yêu cầu HS xác định giọng đọc, cách ngắt nghỉ trong câu.  - GV chốt ý đúng.  - GV yêu cầu HS đọc nhóm đôi.  - GV mời HS đọc.  - GV nhận xét các bạn đọc.  - GV mời HS đọc cả bài.  - Yêu cầu HS luyện đọc thuộc lòng .  - GV nhận xét, tuyên dương. | - CN: HS lắng nghe và đọc thầm.  - CN: 2 HS trả lời : (3 đoạn)  + Đoạn 1: Từ đầu đến “ trẩy vào”  + Đoạn 2: Tiếp theo đến “ tỏa hương”  + Đoạn 3: Còn lại  - CN: 2 HS nhận xét.  - CN: HS lắng nghe, đánh dấu.  - LP mời 3 bạn đọc nối tiếp lần 1.  + LP mời bạn nhận xét 3 bạn đọc.  + 2 bạn nhận xét về các tiêu chí đọc đúng tiếng, đọc trôi chảy, ngắt nghỉ câu đúng.  + LP chia lớp làm 3 nhóm tìm từ khó đọc ở các đoạn : Đoạn 1 là nhóm 1; Đoạn 2 là nhóm 2; Đoạn 3 là nhóm 3.  + Các nhóm lần lượt nêu từ khó của từng đoạn.  + LP mời cô chia sẻ.  - Lớp lắng nghe.  - CN: 3,4 HS đọc.  - CN: 4 HS đọc lại các từ.  - LP mời 3 bạn đọc nối tiếp lần 2.  + LP mời bạn nhận xét 3 bạn đọc.  + 2 bạn nhận xét về các tiêu chí đọc đúng tiếng, đọc trôi chảy, ngắt nghỉ câu đúng.  + LP mời 1 HS đọc giải nghĩa từ.  + LP hỏi: Cả lớp còn thắc mắc từ ngữ nào khó hiểu hay không ?  + CN: HS nêu: trẩy, nom Đoài, ngắm Đông.  + LP hỏi: Bạn nào hiểu nghĩa của từ trên thì giải thích cho bạn?  ( Nếu HS không biết các từ trên thì LP mời GV chia sẻ.)  - Lớp lắng nghe.  - LP mời 3 bạn đọc nối tiếp lần 3.  + LP mời bạn nhận xét 4 bạn đọc.  + 2 bạn nhận xét về các tiêu chí đọc đúng tiếng, đọc trôi chảy, ngắt nghỉ câu đúng.  - LP mời cô chia sẻ.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - CN: 2 HS nêu.  *Quả vàng/ nằm giữa cành xuân*  *Mải mê góp mật, chuyên cần toả hương*  *Bà ơi!// Thương mấy là thương*  *Vắng con, xa cháu tóc sương/ da mồi*  *Bà như quả ngọt chín rồi*  *Càng thêm tuổi tác,/ càng tươi lòng vàng.*  - CN: 2 HS nhận xét.  - HS lắng nghe, gạch chéo.  - Cả lớp thực hiện.  - N4: 2,3 nhóm nhận xét.  - CN: 1 HS đọc  + Câu 1: Vì sao bà dành chùm cam tới tận cuối mùa?  - CN: 3HS trả lời, HS khác nhận xét.  TL: Bà dành chùm cam đến tận cuối mùa để chờ con cháu ở xa về thưởng thức  - HS lắng nghe.  - CN: 2HS trả lời, HS khác nhận xét.  TL: Bà giữ chùm cam ngon trong vườn để dành phần cho con cháu.  - HS lắng nghe.  - CN: HS đọc thầm và trả lời các câu hỏi 2,3.  - N2: HS chia sẻ câu trả lời của mình.  + Câu 2: Bà đã giữ gìn chùm cam như thế nào?  TL: + Để gìn giữ chùm cam, mặc cho thời tiết giá rét, nghe tiếng chim chào mào đền gần, bà vẫn ra vườn trồng chừng, vừa sợ chùm cam hỏng vì sương , vừa sợ chùm cam bị chim ăn mất  + Câu 3: Hai dòng thơ dưới đây nói về điều gì  “ Quả vàng nằm giữa cành xuân  Mải mê góp mật, chuyên cần tỏa hương”  TL: + Chọn đáp án: Tả chùm quả âm thầm chắt chiu vị ngọt, hương thơm  - Chia sẻ: HS lần lượt trả lời các câu hỏi, HS khác nhận xét.  - Lớp lắng nghe.  - CN: 2HS trả lời, HS khác nhận xét.  TL: Bà kiên trì trông chừng chùm quả giữa thời thiết giá rét  - HS lắng nghe.  + Câu 4: Khổ thơ cuối bài nói lên điều gì ?  - CN: 2,3 HS nêu, HS khác nhận xét.  TL: Khổ thơ cuối bài nói đến tình cảm của con cháu dành cho bà, thương bà đã cao tuổi nhưng lại sống xa con cháu, đồng thời thể hiện sự trân trọng. yêu quý khi nghĩ về bà, ví bà như quả ngọt, bà càng thêm tuổi càng thêm thương con quý cháu, càng đáng kinh, cũng như quả càng chín cùng vàng, càng ngon.  - CN: 2HS trả lời, HS khác nhận xét.  TL: Tình cảm và lòng biết ơn của con cháu với bà  - HS lắng nghe.  - CN: HS suy nghĩ tìm nội dung của bài.  - N2: HS chia sẻ trong nhóm.  - Chia sẻ: 2,3 HS trả lời, HS khác nhận xét.  - CN: HS lắng nghe và nhắc lại: Bà chăm chút, giữ gìn chùm cam để dành tặng cho con cháu và tình cảm yêu thương của cháu đối với bà  - CN: HS lắng nghe và nhắc lại:Ca ngợi tình cảm thương yêu, giàu đức hi sinh của bà với con cháu và lòng biết ơn sâu nặng của con cháu đối với bà.  - HS lắng nghe.  - CN: 2 HS nêu: giọng trong sáng, tha thiết nhấn giọng ở câu thơ trực tiếp bộc lộ cảm xúc của nhân vật, ở những từ ngữ chỉ việc làm, nỗi mong nhớ và tình thương của bà, tấm lòng biết ơn và tình cảm yêu thương tha thiết của cháu với bà.  *Bà ơi!// Thương mấy là thương*  *Vắng con, xa cháu tóc sương/ da mồi*  *Bà như quả ngọt chín rồi*  *Càng thêm tuổi tác,/ càng tươi lòng vàng.*  - Lớp lắng nghe, gạch chân.  - Các nhóm thực hiện.  - CN: 2,3HS đọc. HS khác nhận xét.  - Lớp lắng nghe.  - CN: 1HS đọc, lớp lắng nghe.  - CN: HS đọc, lớp lắng nghe.  - Lớp lắng nghe. |
| **4. Vận dụng.** | |
| - GV cho học sinh chia sẻ những mẫu chuyện về bà của mình  **- GD quyền con người :** **Quyền được chăm sóc yêu thương để phát triển lành mạnh về mặt thể chất, trí tuệ, đạo đức để trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Bổn phận của trẻ em với gia đình**  - GV nhận xét tiết học.  - Chuẩn bị bài sau. | - CN: HS kể những mẫu chuyện thực tế hoặc sưu tầm mà em biết  - Em đã làm việc gì để thể hiện tình cảm yêu thương, hiếu thảo với ông bà?  - CN: 2,3HS tự nêu: Quan tâm bà, phụ giúp việc cho bà, bóp vai cho bà,....  - Lớp lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN: TIẾNG VIỆT; LỚP 4**

**CHỦ ĐIỂM: MẢNH GHÉP YÊU THƯƠNG**

**Bài 3: Quả ngọt cuối mùa (Tiết 1-4)**

**Đọc mở rộng: Sinh hoạt CLB đọc sách (Tiết 2)**

Thời gian thực hiện: .................................

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa.

- Tìm đọc được một bài thơ viết về tình cảm gia đình, bạn bè,..; viết Nhật kí đọc sách và chia sẻ được với bạn về bài thơ đã đọc; từ dùng hay, hình ảnh đẹp, đoạn thơ em thích và lí do.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* GV: SHS, SGV.
* HS: SHS, truyện sưu tầm.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.** | |
| - Cho học sinh hát.  - GV dẫn vào bài, ghi tựa bài | - Lớp hát và vận động theo bài :” Quê hương em”  - Lớp ghi chép. |
| **2. Hoạt động Khám phá và luyện tập***.* | |
| **2.2. Hoạt động 1: Tìm đọc bài thơ**  - GV cho HS đọc các bài thơ đã chuẩn bị.  **2.2. Viết Nhật kí đọc sách:**  - Y/C HS viết vào vở 3b.    - Y/C HS trình bày trước lớp.  - GV nhận xét.  **2.3. Chia sẻ về bài thơ đã đọc:**  - GV cho HS chia sẻ.  - Bình chọn một số Nhật kí đọc sách.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động. | - CN: 4 HS đọc bài thơ trước lớp.  - CN: HS viết những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài thơ: tên bài thơ, tên tác giả, từ dùng hay, hình ảnh đẹp,…  - CN: 3,4HS trình bày trước lớp. HS khác nhận xét.  - Lớp lắng nghe.  - N4: HS đọc bài thơ, trao đổi bài thơ cho bạn trong nhóm để cùng đọc. HS chia sẻ Nhật kí đọc sách.  HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện Nhật kí đọc sách.  - HS chia sẻ với bạn về đoạn thơ yêu thích và giải thích lí do.  - Bình chọn Nhật kí đọc sách sáng tạo và dán vào Góc sáng tạo Góc sản phẩm Góc Tiếng Việt.  - Nhận xét, lắng nghe. |
| **3. Vận dụng.** | |
| - GV đặt câu hỏi.  - GV nhận xét, kết luận  - Xem trước nội dung bài tiếp theo Thân thương xứ Vàm.  - Nhận xét tiết học. | - Em đã làm việc gì để giúp đỡ ông bà, cha mẹ?  - CN: HS nêu  - Lớp lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN: TIẾNG VIỆT; LỚP 4**

**CHỦ ĐIỂM: MẢNH GHÉP YÊU THƯƠNG**

**Bài 3: Quả ngọt cuối mùa (Tiết 1-4)**

**Bài: Luyện tập về động từ (Tiết 3)**

Thời gian thực hiện: .............................................

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Tìm và sử dụng động từ phù hợp trong dùng từ, đặt câu.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: + Tranh ảnh về cảnh nhà ở nông thôn.

+ Thẻ từ cho HS.

+ Giấy hoặc thiệp để thực hiện hoạt động vận dụng.

- HS: SHS, vở 3a.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.** | |
| - GV tổ chức trò chơi.  - GV nhận xét, rút ra bài mới. | - CN: HS nghe luật chơi: Nhìn hành động của bạn đoán ra động từ.  - CN: HS chơi từ 3 đến 4 lượt chơi.  - Lớp lắng nghe. |
| **2. Hoạt động Khám phá và luyện tập***.* | |
| **2.1. Hoạt động 1: Tìm động từ theo nhóm yêu cầu.**  - GV yêu cầu HS xác định BT 1  - HS thảo luận theo nhóm 4  - GV nhận xét, đánh giá.  **2.2. Hoạt động 2: Tìm động từ có tiếng cho trước**  - GV yêu cầu HS xác định BT2  - GV cho HS làm vào vở 3a sau đó chia sẻ với bạn.  - GV thu 3 vở chấm, nhận xét.  - GV cho HS đọc bài.  - GV nhận xét, bổ sung, đánh giá.  **2.3. Hoạt động 3: Sử dụng động từ phù hợp để hoàn thành câu.**  - HS xác định yêu cầu BT3  - GV cho HS làm sau đó chia sẻ với bạn.  - GV cho HS đọc bài.  - HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá.  **2.4. Hoạt động 4: Đặt câu phù hợp nội dung tranh.**  - HS xác định yêu cầu BT4  - GV cho HS làm vở 3a sau đó chia sẻ với bạn.  - GV mời các nhóm đọc.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động. | - CN: HS đọc yêu cầu BT1. Lớp lắng nghe.  - CN: HS tìm động từ trong từng thẻ.  - N4: HS chia sẻ bài trong nhóm 4.  - Chia sẻ: 4 HS chia sẻ trước lớp. HS khác nhận xét.  -TL: Hoạt động sáng tác, sáng tạo (nhạc kịch, viết (truyện) (tạo, tạo dựng, tạo hình, tạo (mẫu), thiết kế….  + Hoạt động thiện nguyện. giây quỹ, hiển màu đóng góp (sách với quần áo ghép đa nghi khó khăn ...... (Lưu ý có thể mở rộng bằng tên gọi các phong trào thiên  + Hoạt động lao động trồng trọt, tưới (cây), chăn nuôi, nuôi (gà)....  + Hoạt động di chuyển: đi, chạy nhả, trườn, bơi, nhảy, bay....)  ­- Lớp lắng nghe.  - CN: HS đọc yêu cầu BT2. Lớp lắng nghe.  - CN: HS làm trong vở 3a.  - N2: HS chia sẻ bài với bạn.  - Chia sẻ: 4 HS chia sẻ trước lớp. HS khác nhận xét.  TL: a. thương miền yêu thương, thương xót...; b. yêu quý, quý trọng, trân quý, ...  c. mong nhớ, trông mong, mong đợi, chờ mong…  - Lớp lắng nghe.  - CN: HS đọc yêu cầu BT3. Lớp lắng nghe.  - CN: HS suy nghĩ làm bài.  - N2: HS chia sẻ bài với bạn.  - Chia sẻ: 3 HS trả lời. HS khác nhận xét.  TL: a: nhớ; b kính, yêu; c: thương, thương  - Lớp lắng nghe.  - CN: HS đọc yêu cầu BT4. Lớp lắng nghe.  - CN: HS làm bài.  - N4: HS chia sẻ bài với bạn.  - Chia sẻ: 2-3 nhóm chia sẻ trước lớp. HS khác nhận xét.  - Lớp lắng nghe. |
| **4. Vận dụng.** | |
| - GV phổ biến trò chơi.  - GV tổng kết trò chơi.  - Nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe: Chia lớp 3 nhóm ứng với 3 tổ. Mỗi tổ cử 5 học sinh trong thời gian 3 phút. Nhóm nào tìm được nhiều động từ nhóm đó sẽ thắng cuộc.  - HS tham gia chơi.  - Lớp lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN: TIẾNG VIỆT; LỚP 4**

**CHỦ ĐIỂM: MẢNH GHÉP YÊU THƯƠNG**

**Bài 3: Quả ngọt cuối mùa (Tiết 1-4)**

**VIẾT: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN THUẬT LẠI SỰ VIỆC (T4)**

Thời gian thực hiện: ...................................

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Lập được dàn ý cho bài văn thuật lại một việc tốt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SHS, SGV, Giấy hoặc thiệp để thực hiện hoạt động vận dụng.

- HS: SHS, vở 3b.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Khởi động:** | |
| - GV cho HS chia sẻ.  - Giới thiệu vào bài mới. | - CN: HS kể lại các việc tốt đã làm.  - Lắng nghe. |
| 1. **Hoạt động Khám phá và luyện tập***.* | |
| * 1. **Tìm hiểu đề bài.**   - GV yêu cầu HS đọc đề bài TLCH.  - GV nhận xét.  **2.2. Lựa chọn việc làm tốt**  - HS đọc BT 1 và đọc các gợi ý.  - GV nhận xét.  **2.3 Lập dàn ý cho bài văn**  - GV yêu cầu HS xác định BT 2  - GV cho HS làm vào vở 3b.  - GV nhận xét chung.  **2.4 Bổ sung vào dàn ý đã lập.**  - GV yêu cầu HS xác định BT 2  - GV cho HS thảo luận nhóm.  - GV nhận xét. | - CN: HS đọc, suy nghĩ trả lời.  - N2: HS chia sẻ câu trả lời với bạn.  - Chia sẻ: 2,3hs nêu. HS khác nhận xét.  - Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? TL: thuật lại sự việc.  - Sự việc thuật lại cần có nội dung gì? TL: việc tốt  - Ai thực hiện việc tốt đó?  TL: Em hoặc bạn bè.  - Lớp lắng nghe.  - CN: HS xác định yêu cầu và đọc gợi ý  - CN: HS nhớ lại một việc tốt, mà em hoặc bạn bè, người thân đã làm và giải thích lí do vì sao lựa chọn việc làm tốt đó.  - N4: HS chia sẻ với bạn.  - Chia sẻ: 2,3hs chia sẻ. HS khác nhận xét.  - Lớp lắng nghe.  - CN: HS xác định yêu cầu và đọc gợi ý  - CN: HS thực hiện.  1. Mở bài: Giới thiệu việc tốt (a. Thời gian (Việc đó diễn ra vào lúc nào?); b. Địa điểm (trường hay nơi em ăn... . c.Nhân vật (ai làm việc tốt, người được thu thưởng, …)  2. Thân bài: Trình tự thuật sự việc (Thời gian. Đầu tiên - Tiếp nhau – Sau đó - Cuối cùng. Không gian: Gắn với những cụm và chỉ địa điểm hoặc tình huống cụ thể).  3. Thân bài: Suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học em rút ra được từ việc làm tốt đó)  - N2: HS đọc bài cho nhau nghe.  - Chia sẻ: 2,3hs đọc bài trước lớp. HS khác nhận xét.  - Lớp lắng nghe.  - CN: HS xác định yêu cầu và đọc gợi ý  - N2: HS trao đổi bổ sung vào dàn ý đã lập một số từ ngữ chỉ thời gian địa điểm tình huống hoặc từ ngữ thể hiện suy nghĩ hành động của nhân vật.  - Chia sẻ: 2,3hs đọc bài trước lớp. HS khác nhận xét.  - Lớp lắng nghe. |
| **3. Vận dụng:** | |
| - GV yêu cầu HS đọc đề.  - GV phát giấy thiệp cho HS.  - 2-3 HS chia sẻ lời cảm ơn trước lớp.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học | - CN: HS xác định yêu cầu: Viết lời cảm ơn người thân khi nhận được một món quà hoặc sự quan tâm, chăm sóc từ người đó.  - CN: HS viết lời cảm ơn vào giấy hoặc thiệp đã chuẩn bị, có thể kẻ khung; trang trí sau khi viết.  - Chia sẻ: 2,3 HS chia sẻ lời cảm ơn. HS khác nhận xét.  - Lớp lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN: TIẾNG VIỆT; LỚP 4**

**CHỦ ĐIỂM: MẢNH GHÉP YÊU THƯƠNG**

**Bài 4: Thân thương xứ Vàm (Tiết 5-7)**

**Đọc: Thân thương xứ Vàm (Tiết 5)**

Thời gian thực hiện: .................................................

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nói được về nơi ở và những người hàng xóm; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ hơi đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, nhấn giọng ở những từ ngữ, hình ảnh miêu tả xứ Vàm và thể hiện tình cảm của tác giả; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cảnh vật và cuộc sống bình dị, thân thương của người dân xứ Vàm*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi cuộc sống giản dị, thân tình của người dân xứ Vàm.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SHS, SGV,tranh ảnh SHS phóng to. Bảng phụ.

- HS: SHS.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.** | |
| - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi.  - GV cho HS xem tranh.  - GV giới thiệu bài mới “Thân thướng xứ Vàm” | - N2: HS kể cho nhau nghe về nơi ở và những người hàng xóm.  - CN: HS phỏng đoán dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.  - Lắng nghe, ghi chép. |
| **2. Hoạt động Khám phá và luyện tập***.* | |
| **2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc thành tiếng**  - GV đọc mẫu: Giọng trầm, tha thiết, tình cảm; nhấn giọng ở từ ngữ tả vẻ đẹp thanh bình, tả việc làm thể hiện sự san sẻ, nhường nhịn đầy tình thương mến của người dân ở xứ Vàm.  - GV yêu cầu HS chia đoạn.  - GV nhận xét chung.  - GV mời LPHT điều khiển hoạt động đọc nối tiếp.  - GV nhận xét học sinh đọc.  - GV yêu cầu một số HS đọc lại các từ mà các nhóm vừa nêu.  - GV rút ra một số từ khó đọc: ôn hòa, cười xòa, hoa lau, hoa sậy,… Phân tích từ khó.  - GV mời LPHT tiếp tục hoạt động.  - GV nhận xét chung HS đọc và giải thích các từ HS thắc mắc.  - GV nhận xét chung HS đọc.  - GV hướng dẫn luyện đọc câu dài:  + GV đọc mẫu.  + GV yêu cầu HS nêu cách ngắt nghỉ.  + GV nhận xét, kết luận.  - GV cho HS đọc trong nhóm 4.  - GV gọi HS trong nhóm nhận xét các bạn đọc.  - GV mời 1 HS đọc toàn bài.  **2.2. Hoạt động 2: Luyện đọc hiểu**  - GV cho HS đọc thầm đoạn 1 sau đó TLCH1,2,3.  - GV nhận xét.  - GV rút ý đoạn 1.  - GV nhận xét.  - Gv cho HS đọc thầm đoạn 2 và TLCH4.  - GV nhận xét chung.  - GV rút ý đoạn 2.  - GV nhận xét chung.  - GV cho HS TLCH 5  - GV nhận xét chung.  **-** GV yêu cầu HS tìm hiểu ND bài  - GV chốt nội dung bài học.  - Gv hướng dẫn HS rút ra phần ý nghĩa  **2.3. Hoạt động 3 : Luyện đọc lại.**  - GV treo đoạn 2 và đọc mẫu.  - GV yêu cầu HS xác định giọng đọc, cách ngắt nghỉ trong câu.  GV chốt ý đúng.  - GV yêu cầu HS đọc nhóm đôi.  - GV mời HS đọc.  - GV nhận xét các bạn đọc.  - GV mời HS đọc cả bài.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - Lớp lắng nghe.  - CN: 2 HS trả lời : (2 đoạn)  + Đoạn 1: từ đầu đến “sự thân tình”  + Đoạn 2: Đoạn còn lại  - CN: 2 HS nhận xét.  - CN: HS lắng nghe, đánh dấu.  - LP mời 2 bạn đọc nối tiếp lần 1.  + LP mời bạn nhận xét 2 bạn đọc.  + 2 bạn nhận xét về các tiêu chí đọc đúng tiếng, đọc trôi chảy, ngắt nghỉ câu đúng.  + LP chia lớp làm 3 nhóm tìm từ khó đọc ở các đoạn : Đoạn 1 là nhóm 1 nhóm 2; Đoạn 2 là nhóm 3.  + Các nhóm lần lượt nêu từ khó của từng đoạn.  + LP mời cô chia sẻ.  - Lớp lắng nghe.  - CN: 3,4 HS đọc.  - CN: 4 HS đọc lại các từ.  - LP mời 2 bạn đọc nối tiếp lần 2.  + LP mời bạn nhận xét 2 bạn đọc.  + 2 bạn nhận xét về các tiêu chí đọc đúng tiếng, đọc trôi chảy, ngắt nghỉ câu đúng.  + LP mời 1 HS đọc giải nghĩa từ.  - Lớp lắng nghe.  - Mời GV chia sẻ.  - LP mời 2 bạn đọc nối tiếp lần 3.  + LP mời bạn nhận xét 2 bạn đọc.  + 2 bạn nhận xét về các tiêu chí đọc đúng tiếng, đọc trôi chảy, ngắt nghỉ câu đúng.  - LP mời cô chia sẻ.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - CN: 2 HS nêu.  *+ Người nào/ lỡ có lấn sang bên kia tí đỉnh/ thì cũng cười xòa,/ có nhiêu đâu,/ dân ruộng với nhau mà.//*  *+ Ở Vàm Cái Đôi/ hay gắn chữ “ruộng” phía sau mỗi tên gọi.// Ví như/ “rau ruộng”,/ “cá ruộng”,/ “đám cưới ruộng”,…//*  *+ Người dân xứ Vàm/ chó dù đi đâu cũng nhớ phiên chợ hiền lành/ góc bến tàu cũ,/ nhớ ngọn gió chướng non/ làm thảng thốt con đường trắng hoa lau,/ hoa sậy.//*  - CN: 2 HS nhận xét.  - HS lắng nghe, gạch chéo.  - Cả lớp thực hiện.  - N4: 2,3 nhóm nhận xét.  - CN: 1 HS đọc  - CN: HS đọc thầm và trả lời các câu hỏi 1,2,3.  - N2: HS chia sẻ câu trả lời của mình.  + Câu 1: Chợ Vàm Cái Đôi họp khi nào?  TL: + Chợ Vàm Cái Đôi họp từ khi bình minh chưa lên.  + Câu 2: Vì sao tác giả nhận xét chợ Vàm Cái Đôi ôn hòa?  TL: + Vì chợ có những người mua bán rất thân thiện.  + Câu 3: Em có suy nghĩ gì về cách gọi “rau ruộng”, “cá ruộng”, “đám cưới ruộng”,…?  TL: + Gợi cho em cảm giác gần gũi, thân quen, như cách gọi của những người thân, những người bạn đã quen từ lâu.  - Chia sẻ: HS lần lượt trả lời các câu hỏi, HS khác nhận xét.  - Lớp lắng nghe.  - CN: 2HS trả lời, HS khác nhận xét.  TL: Vẻ đẹp bình dị đầy thương mến và sự thân tình của người dân ở chợ Vàm Cái Đôi.  - HS lắng nghe.  - CN: HS đọc thầm và trả lời câu hỏi 4.  - Chia sẻ: 2HS trả lời, HS khác nhận xét.  + Câu 4: Khi đi xa, người dân xứ Vàm nhớ những hình ảnh nào ở quê mình? Vì sao?  TL: + Khi đi xa người dân xứ Vàm nhớ phiên chợ hiền lành góc bến tàu cũ, ngọn gió chướng, con đường trắng hoa lau sậy, dòng sông, tiếng còi tàu rời bến sớm.  - HS lắng nghe.  - CN: 2HS trả lời, HS khác nhận xét.  TL: Tình cảm yêu thương của người dân xứ Vàm với những điều bình dị, thân thuộc ở quê hương.  - HS lắng nghe.  + Câu 5: Em ấn tượng nhất về điều gì ở xứ Vàm? Vì sao?  - CN: HS suy nghĩ, trả lời theo suy nghĩ, cảm xúc riêng.  - HS lắng nghe.  - CN: HS suy nghĩ tìm nội dung của bài.  - N2: HS chia sẻ trong nhóm.  - Chia sẻ: 2,3 HS trả lời, HS khác nhận xét.  - CN: HS lắng nghe và nhắc lại: *Vẻ đẹp bình dị đầy thương mến và sự thân tình của người dân ở chợ Vàm Cái Đôi. Tình yêu quê hương đối với quê hương thân thiết của mình.*  - CN: HS lắng nghe và nhắc lại: Ca ngợi cuộc sống giản dị, thân tình của người dân xứ Vàm.  - CN: 2 HS nêu: giọng chậm rãi, thể hiện tình cảm tha thiết; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp thanh bình của cảnh vật, từ ngữ thể hiện tình cảm và suy nghĩ của người viết về cuộc sống của người dân xứ Vàm  *Người dân xứ Vàm cho dù đi đâu cũng nhớ phiên chợ hiền lành góc bến tàu cũ, nhớ ngọn gió chướng non làm thảng thốt con đường trắng hoa lau,/ hoa sậy // Nhớ về Vàm là nhớ về sự bình yên của dòng sông nối liền xứ sở,/ những con đường hai bên bờ lau sậy mịt mùng // Nhớ về Vàm là nhớ về những buổi sáng mai/ người ta thức dậy bằng tiếng còi tàu rời bến sớm nhất/ rúc lên vang lừng cả thị trấn //*  - Lớp lắng nghe, gạch chân.  - Các nhóm thực hiện.  - CN: 2,3HS đọc. HS khác nhận xét.  - Lớp lắng nghe.  - CN: 1HS đọc, lớp lắng nghe.  - Lớp lắng nghe. |
| **4. Vận dụng.** | |
| - GV nêu câu hỏi.  - Nhận xét tiết học.  - Chuẩn bị bài sau. | - Em hãy nêu các hình ảnh thân thuộc của quê em?  - CN: HS trả lời theo ý kiến riêng. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN: TIẾNG VIỆT; LỚP 4**

**CHỦ ĐIỂM: MẢNH GHÉP YÊU THƯƠNG**

**Bài 4: Thân thương xứ Vàm (Tiết 5-7)**

**Luyện từ và câu: Tính từ (Tiết 6)**

Thời gian thực hiện: .........................................

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Nhận diện và biết cách sử dụng tính từ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGV, SHS, tranh ảnh SHS phóng to.Bảng phụ, thẻ từ.

- HS: SHS

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.** | |
| - GV tổ chức chơi trò chơi.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - CN: HS thực hiện nói về đặc điểm của một số mẫu vật do giáo viên đưa ra.  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện từ và câu** | |
| **2.1. Hình thành khái niệm tính từ**  - GV cho HS đọc bài tập 1  - Yêu cầu HS tìm từ  - GV nhận xét.  - GV cho HS đọc bài tập 2  - HS làm bài vào vở BT2  - GV nhận xét  - GV rút ra ghi nhớ về tính từ.  **2.2. Nhận diện tính từ**  - GV cho HS đọc bài tập 3  - Cho HS làm bài vào vở 3.  - GV thu 3 vở chấm, nhận xét.  - GV nhận xét, đánh giá  **2.3. Tìm và đặt câu với tính từ.**  - GV cho HS đọc bài tập 4  - GV nhận xét  - Cho HS làm bài vào vở 3 câu 4b  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động | - CN: HS đọc BT1, nêu yêu cầu.  - CN: HS suy nghĩ làm bài  - N2: HS chia sẻ kết quả với bạn.  - Chia sẻ: 2,3 HS trả lời, HS khác nhận xét.  TL: + Từ chỉ hình dáng, kích thước; to, tròn, dày, xinh xắn.  + Từ chỉ màu sắc: mướt xanh, xanh, đỏ thắm.  + Từ chỉ âm thanh: rì rào, trong trẻo.  + Từ chỉ hương vị: ngọt thanh, thơm mát.  - Lớp lắng nghe.  - CN: HS đọc BT1, nêu yêu cầu.  - CN: HS suy nghĩ làm bài  - N2: HS chia sẻ kết quả với bạn.  - Chia sẻ: 2,3 HS trả lời, HS khác nhận xét.  TL: a: nhè nhẹ, b: líu lo, c: rộ  - HS lắng nghe  - CN: 1, 2 HS nhắc lại ghi nhớ: Tính từ là từ miêu tả đặc điểm ( hình dáng, màu sắc, âm thanh, hương vị,...) hoặc tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái,...  - CN: HS đọc BT3, nêu yêu cầu.  - CN: HS làm bài  - N2: HS chia sẻ kết quả với bạn.  TL: + a: Vàng, êm, xanh, mới  + b: xanh cao, trắng, hơn/ trắng hơn, xốp, hơn/ nhẹ, nhẹ nhàng, hơn/ nhẹ nhàng hơn, trong suốt, đẹp, đủ, xanh tươi  - Chia sẻ: 2,3 HS đọc bài làm, HS khác nhận xét.  - HS lắng nghe  - CN: HS đọc BT4, nêu yêu cầu.  - CN: HS suy nghĩ làm bài  - N2: HS chia sẻ kết quả với bạn.  - Chia sẻ: 2,3 HS trả lời, HS khác nhận xét.  + chảy: ào ào, xối xả, hiền hòa,...  + reo: to, khe kẽ, vui,...  + tỏa: sáng, mát, rực rỡ,...  + cười: tươi, hớn hở, hả hê, khe khẽ, khanh khách,...  - HS lắng nghe  - CN: HS làm bài  - Chia sẻ: 2,3 HS đặt câu, HS khác nhận xét.  - HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng.** | |
| **-** Yêu cầu HS tìm các từ ngữ .  - Nhận xét, tuyên dương | - CN: HS thực hiện tìm các từ ngữ miêu tả đặc điểm của bạn cùng bàn.  TL: + xinh xắn, dễ thương, hòa đồng, ...  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

------------------------------------------------------------------

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN: TIẾNG VIỆT; LỚP 4**

**CHỦ ĐIỂM: MẢNH GHÉP YÊU THƯƠNG**

**Bài 4: Thân thương xứ Vàm (Tiết 5-7)**

**Viết: Viết đoạn văn cho bài văn thuật lại một sự việc**

**(Tiết 7)**

Thời gian thực hiện: ........................................................

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Viết được đoạn văn ở phần thân bài của bài văn thuật lại một việc tốt dựa trên dàn ý đã lập.

- Hỏi – đáp được về những địa điểm quen thuộc ở quê em hoặc nơi em sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SHS, SGV, Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi

- HS: SHS, vở 3

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Khởi động:** | |
| - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi.  - GV giới thiệu bài mới. | - N2: HS nói với bạn về nơi ở và những người làng xóm.  - HS nghe giới thiệu, ghi bài. |
| 1. **Tập làm văn** | |
| **2.1. Viết một đoạn văn ở phần thân bài**  **-** GV cho HS đọc bài tập 1  - GV nhận xét.  **2.2. Chia sẻ về đoạn văn vừa viết**  **-** GV cho HS đọc bài tập 2  GV nhận xét, đánh giá hoạt động | - CN: HS đọc yêu cầu, gợi ý.  - CN: HS đọc lại dàn ý đã lập theo yêu cầu .  - CN: HS chọn một số ý ở phần thân bài để viết thành đoạn.  - N2: HS chia sẻ bài làm với bạn.  - Chia sẻ: 2,3 HS đọc bài làm, HS khác nhận xét.  - Lớp lắng nghe.  - CN: HS đọc yêu cầu, gợi ý.  - N2: HS trao đổi trong nhóm, đọc đoạn văn của các bạn và chia sẻ.  a. Bạn thuật lại việc tốt theo trình tự nào?  + Bạn chọn thuật theo trình tự không gian hay thời gian?  + Từ ngữ nào giúp em nhận biết được trình tự đó?  b. Những điều em học được từ đoạn văn của bạn:  + Bạn sắp xếp ý phù hợp như thế nào?  + Có gì đặc biệt hơn so với cách sắp xếp em đã chọn?  + Bạn đã sử dụng từ ngữ nào hay?  + Bạn đã lồng ghép những câu bày tỏ cảm xúc trong khi thuật lại sự việc ra sao?  c. Những điểm em muốn cỉnh sửa ở đoạn văn của mình:  + Thêm hành động ( hoặc lười nói, suy nghĩ,…) của nhân vật.  + Bày tỏ thêm suy nghĩ, cảm xúc của em.  - Chia sẻ: HS chia sẻ bài làm và những điều đã học được từ bạn bên cạnh.  - Lớp lắng nghe. |
| **3. Vận dụng:** | |
| - GV: Yêu cầu HS đóng vai để hỏi – đáp trong nhóm 4  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động | - N4: HS thảo luận theo nhóm 4, hỏi đápvề những địa điểm quen thuộc ở quê em hoặc nơi em sống.  - CN: 1HS làm phóng viên, đi phỏng vấn các bạn.  - Lớp lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

...............................................................................................................................